

Tổng kết lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ

I. Nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập

Học sinh kẻ bảng và điền những thông tin đã học theo mẫu:

Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập

Nguồn gốc và lịch sử phát triển

a. Nguồn gốc: tiếng Việt thuộc:

Họ: ngôn ngữ Nam Á

Nhánh: tiếng Việt - Mường chung

b. Các thời kì trong lịch sử:

- Tiếng Việt trong thời kì dựng nước
- Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- Tiếng Việt trong thời kì độc lập tự chủ
- Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc
- Tiếng Việt trong thời kì: từ sau Cách Mạng tháng Tám đến nay.

+ Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập

a. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết. Về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ.

b. Từ không biến đổi hình thái,

c. Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ.

II. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản

Tham khảo:

Bảng thứ nhất: Tên các phong cách ngôn ngữ (PCNN) và các thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách

	PCNN sinh hoạt	PCNN nghệ thuật	PCNN chính luận	PCNN báo chí	PCNN khoa học	PCNN hành chính
Thể loại văn bản tiêu biểu	- Dạng nói (độc thoại, đối thoại) - Dạng viết (nhật kí, thư từ, hồi ức cá nhân) - Dạng lời nói tái hiện (trong tác phẩm văn học)	- Thơ ca, hò, vè,... - Truyện, tiểu thuyết, kí,... - Kịch	- Cương lĩnh, tuyên ngôn - Xã luận - Các báo cáo, tham luận, phát biểu,...	- Bản tin - Phóng sự - Tiểu phẩm - Phỏng vấn - Quảng cáo	- Chuyên luận, luận án - Giáo trình, giáo khoa - Sách báo khoa học	- Nghị định, thông tư, thông cáo chỉ thị, quyết định. - Giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ.

Bảng thứ hai: Tên phong cách ngôn ngữ và đặc trưng cơ bản của từng phong cách

PCNN sinh hoạt	PCNN nghệ thuật	PCNN báo chí	PCNN chính luận	PCNN khoa học	PCNN hành chính
- Tính cụ thể - Tính cảm xúc - Tính cá thể	- Tính hình tượng - Tính truyền cảm - Tính cá thể hoá	- Tính thông tin thời sự - Tính ngắn gọn - Sinh động, hấp dẫn	- Tính công khai về quan điểm chính trị - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận - Tính truyền cảm, thuyết phục	- Tính trừu tượng, khái quát - Tính lí trí, logic - Tính phi cá thể	- Tính khuôn mẫu - Tính minh xác - Tính công vụ

LUYỆN TẬP

Câu 1. So sánh hai phần văn bản (mục 4 - SGK, trang 193), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản.

Trả lời:

Hai phần văn bản đều có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách khác nhau:

+ Văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng để thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, logic, tính phi cá thể.

+ Văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ mang tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hoá.

Câu 2. Đọc văn bản lược trích (mục 5 - SGK, trang 194) và thực hiện các yêu cầu của SGK.

Trả lời:

a. Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính.

b. Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm:

+ Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gặp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này.

+ về câu: văn bản sử dụng kiểu câu thường gặp trong quyết định (thuộc văn bản hành chính): UBND thành phố Hà Nội căn cứ... căn cứ... xét đề nghị... quyết định I... II.. III... IV....V...VI

+ Về kết cấu: Văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu ba phần:

- Phần đầu: Quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày tháng năm, tên quyết định
- Phần chính: nội dung quyết định
- Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái)

c. Tin ngắn:

Cách đây vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban... quyết định địa điểm cho Bảo hiểm y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.